

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-PT
Ngày 01 - 02 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 217A/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 12 năm 1983, tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 01, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị P; có vợ Hồ Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 15/2010/HSST ngày 28/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong bản án. Đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2023 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Hữu L, Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh N; có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Trần Đăng T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Trần Thị Thu H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11 năm 2019, Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, trú tại xóm 1, xã T, huyện Đ đã ba lần quan hệ tình dục với chị Trần Thị H, sinh năm 2000, trú tại xóm V, xã H, huyện Đ, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào trưa một ngày đầu tháng 11 năm 2019, Nguyễn Văn T đến quán của anh Trần Đăng H1, tại xóm V, xã H, huyện Đ để ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, T ra về thì gặp chị Trần Thị H (chị H là cháu và là người phụ bán quán cho anh H1) đang ngồi rửa rau phía trước quán. T đến ngồi nói chuyện với chị H một lúc thì T nhận biết chị H là người không bình thường, có biểu hiện không bình thường về lời nói và hành động, nói năng lung tung (chị H bị bệnh tâm thần). Do đó T nảy sinh ý định giao cấu với chị H. Để thực hiện ý định của mình, T rủ chị H “*Đi chơi em hi?*” nhưng chị H trả lời “*Không*”. T tiếp tục nói chuyện và rủ rê chị H đi uống nước thì chị H đồng ý đi cùng T. Sau đó, T sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 37Z2-0213 của mình chở chị H đi thẳng đến nhà nghỉ 775 ở xã K, huyện N. Trên đường đi, T nói với chị H “*Hai anh em ta vào nhà nghỉ ta nghỉ tí hây*”, chị H trả lời “*Ừ*”. Đến chỗ để xe của nhà nghỉ 775, chị H có hỏi T “*Bên ni là bên mô?*” (Ở đây là chỗ nào?), T trả lời “*Đây là N*”, chị H hỏi tiếp “*Răng lại đưa em vô đây, đưa em đi uống chi mà*”, T không trả lời mà đi vào gặp chủ nhà nghỉ để thuê phòng 106. Khi thuê được phòng, T nói với chị H “*Đi vô đây em*” rồi chị H theo T vào phòng 106. Khi vào phòng, chị H nói với T “*Đừng làm chi em đó*”, T không nói gì mà khóa cửa lại rồi dùng hai tay ôm chặt người chị H, dùng môi hôn vào má, mặt chị H. Sau đó, cả hai nằm lên giường, T dùng tay cởi áo, quần của chị H rồi sờ vào vùng ngực, sờ xuống âm hộ của chị H. Lúc này, chị H dùng tay đẩy vào ngực của T và kéo quần của mình lên nhưng không được. T tự cởi áo, quần của mình và đè lên người chị H rồi cho dương vật đang cương cứng của mình vào âm đạo của chị H để quan hệ tình dục. Quan hệ tình dục được khoảng 5 phút thì T xuất tinh vào âm đạo của chị H. Sau khi quan hệ tình dục xong, T và chị H tự mặc áo, quần của mình. Mặc quần áo xong, T đưa cho chị H số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và nói “*Cầm đi về mua chi mà mua*”. Sau đó, T ra trả phòng và chở chị H đi về. Trên đường về, T ghé tiệm thuốc tây X ở xóm S, xã Đ, huyện Đ để mua một viên thuốc tránh thai ra đưa cho chị H và nói “*Về nhà uống đi*”, sau đó T chở chị H về quán anh H1 rồi về đi làm.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 1 tuần, vào buổi trưa, một ngày giữa

tháng 11 năm 2019, T đến quán của anh H1 ăn cơm rồi rủ chị H đi chơi, chị H đồng ý. Sau đó, T sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 37Z2- 0213 của mình chở chị H đi xuống nhà nghỉ 775 ở xã K, huyện N và vào thuê phòng 106 để quan hệ tình dục. Vào phòng, T và chị H nằm lên giường, T ôm hôn vào môi, má và cởi áo, quần chị H ra rồi dùng tay sờ vào ngực, âm hộ của chị H, sau đó T cởi áo, quần của mình ra, nằm lên người và cho dương vật đang cương cứng của mình vào âm đạo của chị H. Quan hệ được khoảng 05 phút thì T xuất tinh vào âm đạo của chị H. Sau khi quan hệ xong, T và chị H tự mặc quần áo, T đưa cho chị H số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và một viên thuốc tránh thai (đã mua sẵn trước đó) nói “*Về nhà uống đi*”. Sau đó, T ra trả phòng, chở chị H về quán của anh H1 rồi về đi làm.

Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 1 tuần, vào buổi trưa một ngày cuối tháng 11 năm 2019, T cũng tới quán anh H1 để ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, T rủ chị H đi chơi, chị H đồng ý. Sau đó, T sử dụng xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 37Z2-0213 của mình chở chị H ra cánh đồng T thuộc xóm V, xã H, cách nhà chị H khoảng 2 km, để quan hệ tình dục. Tới bãi đất trống trong vườn tràm cạnh cánh đồng T, T và chị H nằm xuống, T ôm hôn vào môi, má và cởi áo, quần chị H ra rồi dùng tay sờ vào ngực, âm hộ của chị H, sau đó T cởi áo, quần của mình ra, nằm lên người và cho dương vật đang cương cứng của mình vào âm đạo của chị H. Quan hệ được khoảng 05 phút thì T xuất tinh vào âm đạo của chị H. Sau khi quan hệ xong, T và chị H tự mặc quần áo, T đưa cho chị H số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và một viên thuốc tránh thai (đã mua sẵn trước đó) và nói “*Về nhà uống đi*”. Sau đó, T chở chị H về gần nhà của chị H, rồi đi làm.

Hậu quả: Chị Trần Thị H mang thai vào năm 2019 và đến ngày 15/8/2020 sinh cháu Trần Thị Quỳnh N.

Ngày 6/8/2022 ông Trần Đăng T1 (là cha đẻ của chị Trần Thị H) làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đã quan hệ tình dục với chị H làm chị H có thai trong lúc chị H đang bị bệnh động kinh tâm thần.

* Tại Bản kết luận giám định số: 6406/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

1- *Trần Thị H và Trần Thị Quỳnh N có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ với nhau.*

2- *Nguyễn Văn T và Trần Thị Quỳnh N có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ với nhau*

* Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 69/KLGD ngày 13/01/2023 của Phân viện pháp y tâm thần Bắc Miền Trung thuộc Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận:

- Tại các thời điểm trước, trong, sau thời điểm tháng 11 năm 2019 và tại thời điểm giám định, chị Trần Thị H bị bệnh: Động kinh cục bộ phức hợp, phát triển thành cơn toàn bộ thứ phát. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD10), có mã bệnh là: G40.2 (Bệnh đã có biến đổi nhân cách và các rối loạn tâm thần mức độ vừa).

- Tại tất cả các thời điểm đã nêu trên, ở giai đoạn trong cơn động kinh, chị Trần Thị H mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; Ở giai đoạn ngoài cơn động kinh, chị Trần Thị H hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi (Quá trình chị Trần Thị H bị Nguyễn Văn T thực hiện hành vi quan hệ tình dục đều xảy ra ở ngoài giai đoạn cơn động kinh).

- Về vật chứng: Do thời gian đã lâu nên bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Trần Thị H không nhớ đặc điểm quần, áo lót bên trong và quần áo bên ngoài đã mặc trong ba lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Đối với chiếc xe ô tô hiệu Jupiter, biển kiểm soát 37Z2- 0213 mà bị cáo đã sử dụng để ba lần chở nạn nhân đi thực hiện hành vi quan hệ tình dục đã được Nguyễn Văn T bán cho một người đàn ông trung niên không biết tên, địa chỉ ở huyện Y, tỉnh Nghệ An nên không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: Vào ngày 29/4/2020 bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và ngày 27 tháng 06 năm 2023, bị cáo T bồi thường tiếp số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Đại diện hợp pháp bị hại đã nhận số tiền bồi thường 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Nay tại phiên tòa sơ thẩm có yêu cầu bồi thường cấp dưỡng một lần cho cháu Trần Thị Quỳnh N số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

1. Căn cứ các điểm d, g khoản 2 Điều 141, các điểm b, s khoản 1, khoản

2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hiếp dâm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 31/3/2023.

Đồng thời, Bản án còn tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/9/2023, bị cáo Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh, bị cáo không phạm tội Hiếp dâm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 141; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Hiếp dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 31/3/2023).

Bị cáo Nguyễn Văn T không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo để xử phạt mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm nhận xét, đánh giá. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong tháng 11 năm 2019 tại nhà nghỉ 775 thuộc xóm 4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và tại cánh đồng thân me thuộc xóm Văn Thọ, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, bị cáo Nguyễn Văn T đã 03 (ba) lần thực hiện hành vi giao cấu với chị Trần Thị H là người có nhược điểm về thể chất và tinh thần, mỗi lần quan hệ tình dục bị cáo T đưa cho bị hại 200.000 đồng và một viên thuốc tránh thai cho chị Trần Thị H. Hậu quả chị Trần Thị H có thai và ngày 18/5/2020 sinh cháu Trần Thị Quỳnh N.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” và phải chịu các tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Làm nạn nhân có thai” qui định tại điểm d, g khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3, mục b khoản 7 Điều 3 của Nghị quyết 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi. Cụ thể: Tại thời điểm Nguyễn Văn T thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị Trần Thị H, chị Trần Thị H đang ở trong tình trạng bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi. Theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP, ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao

hướng dẫn tình tiết “*Lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân*” quy định tại khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự về tội hiếp dâm là trường hợp: “Người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực nhận thức, khả năng điều khiển hành vi (Ví dụ: Người bị say rượu, bia, thuốc ngủ, thuốc gây mê, ma túy, thuốc an thần, thuốc kích thích, các chất kích thích khác, bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh khác...) dẫn đến hạn chế hoặc mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Hiếp dâm” theo các điểm d, g khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đối với người yếu thế cần được bảo vệ trong xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự và sức khỏe tinh thần của người bị hại, gây bất bình trong đời sống nhân dân, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 28/6/2010 bị Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2010/HSST ngày 28/6/2010, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức phẩm chất thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng cho nên việc ra bản án và áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối bị cáo và công tác phòng ngừa tội phạm.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai báo về hành vi của mình nhưng không nhận tội tuy nhiên đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 120.000.000 đồng cho gia đình bị hại Trần Thị H để khắc phục hậu quả xảy ra. Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác bị cáo có bố đẻ Nguyễn Văn T được Binh đoàn 12, Bộ Quốc phòng tặng “ Huy hiệu chiến sỹ Trường Sơn”, có giấy chứng nhận bệnh binh bình tỷ lệ mất sức lao động 61%, được Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng bằng khen vì có thành tích tham gia trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá khi lượng hình đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra đồng thời đã tác động gia đình trả số tiền cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho cháu Trần Thị Quỳnh N với số tiền là: 40.000.000 đồng,

gia đình bị hại có đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ nghiêm.

[4] Về trách bồi thường nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị H số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm đã bồi thường tiếp số tiền cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho cháu Trần Thị Quỳnh N với số tiền là: 40.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường dân sự.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Căn cứ vào các điểm d, g khoản 2 Điều 141; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Hiếp dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 31/3/2023).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đ;
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- UBND T, huyện Đ;
- Lưu Hồ sơ, Toà hình sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hải

